

Số: 261/QĐ-NTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với
học sinh Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm
Năm học 2026 - 2027**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 48/2026/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép sáp nhập Trường Tiểu học Dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học phổ thông Tư thục Ngô Thời Nhiệm thành Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-CPPTGDMĐ ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm năm học 2026–2027;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế Thi đua khen thưởng và kỷ luật đối với học sinh Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm năm học 2026 – 2027”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo;
- Tổ bộ môn, bộ phận;
- Đoàn thể;
- Lưu: VT (HT).



HIỆU TRƯỞNG

Tưởng Nguyên Sự



**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS
VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với học sinh Trường
Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm Năm học 2026 – 2027**
(Ban hành kèm Quyết định số 26/QĐ- NTN ngày 18 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự thủ tục và các vấn đề liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với học sinh Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm

Nguồn kinh phí khen thưởng từ nguồn quỹ khen thưởng của nhà trường

2. Đối tượng áp dụng

Học sinh của Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm

Điều 2. Nguyên tắc chung về khen thưởng và kỷ luật học sinh

1. Khen thưởng, kỷ luật học sinh bảo đảm tính giáo dục, nhân văn, vì sự tiến bộ của học sinh.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, hiệu trưởng, giáo viên; bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

3. Thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

4. Khen thưởng nhằm ghi nhận, biểu dương, động viên khuyến khích, tạo động lực để học sinh rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống; tôn vinh, nhân rộng tấm gương người tốt, việc tốt trong nhà trường.

Chương II

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 3. Hình thức khen thưởng

1. Tuyên dương, khen thưởng trước lớp:

- Tuyên dương trước lớp được thực hiện đối với học sinh có hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong lớp hoặc học sinh có tiến bộ rõ rệt về học tập, rèn luyện.

- Giáo viên chủ nhiệm quyết định và thực hiện việc tuyên dương học sinh trước lớp vào thời điểm phù hợp.

2. Tuyên dương, khen thưởng trước toàn nhà trường

- Tuyên dương trước toàn nhà trường, tặng giấy khen của nhà trường được thực hiện đối với học sinh có thành tích xuất sắc về học tập, hoạt động phong trào; có hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong nhà trường hoặc học sinh có thành tích nổi bật trong học tập, rèn luyện; Cụ thể:

+ Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện sẽ được khen thưởng tùy theo thành tích, danh hiệu đạt được.

+ Học sinh cung cấp thông tin đúng nhằm ngăn chặn các vi phạm nội quy thì sẽ được nhà trường vinh danh, khen thưởng tùy theo mức độ

+ Học sinh đạt các giải học tập, thể thao, văn nghệ vv... đạt kết quả xếp hạng cấp trường, cụm, thành phố. Tùy theo mức độ thành tích đạt được sẽ có thưởng phù hợp.

+ Học sinh là gương sáng tiêu biểu trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt hoặc hành động lan tỏa tích cực sẽ được nhà trường vinh danh và khen thưởng tùy theo thành tích cụ thể.

- Lãnh đạo nhà trường quyết định hình thức tuyên dương, khen thưởng và thực hiện vào thời gian phù hợp trong năm học.

Điều 4. Khen thưởng cá nhân học sinh

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện sẽ được khen thưởng tùy theo thành tích, danh hiệu đạt được: Học sinh xuất sắc, học sinh Giỏi.

2. Học sinh cung cấp thông tin đúng nhằm ngăn chặn các vi phạm nội quy thì sẽ được nhà trường vinh danh, khen thưởng tùy theo mức độ.

3. Học sinh đạt các giải học tập, thể thao, văn nghệ vv... đạt kết quả xếp hạng cấp trường, cụm, thành phố. Tùy theo mức độ thành tích đạt được sẽ có thưởng phù hợp.

4. Học sinh là gương sáng tiêu biểu trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt hoặc hành động lan tỏa tích cực sẽ được nhà trường vinh danh và khen thưởng tùy theo thành tích cụ thể.

5. Căn cứ nội dung kế hoạch tổ chức từng nội dung hoạt động và tình hình thực tế kết quả học sinh đạt được sẽ có mức khen thưởng phù hợp.

Điều 5. Khen thưởng tập thể, cá nhân học sinh cấp trường

1. Tập thể lớp đạt danh hiệu thi đua tháng:

Khởi Tiểu học

Cơ sở	Giải nhất	Giải nhì
Phước Long	150.000	
An Lạc	150.000	100.000
Bình Dương	150.000	100.000

Khối THCS và THPT

Cơ sở	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba
Phước Long	200.000	150.000	100.000
An Lạc	150.000	100.000	
Bình Dương	300.000	200.000	150.000

2. Cá nhân học sinh đạt giải: Căn cứ nội dung kế hoạch tổ chức từng nội dung hoạt động và tình hình thực tế kết quả học sinh đạt được sẽ có mức khen thưởng phù hợp.

3. Khen thưởng hoạt động thi đua khác do trường phát động: Mức khen thưởng các hoạt động thi đua do trường phát động thực hiện thường xuyên và tùy thuộc vào quy mô tổ chức sẽ có mức thưởng phù hợp. Mỗi phong trào thi đua cần có kế hoạch, đề xuất mức khen thưởng trình HĐQT duyệt.

Điều 6. Thang điểm đánh giá nề nếp, chuyên cần đối với tập thể lớp và phòng nội trú:

1. Đối với tập thể lớp: Tổng điểm 100 điểm.

a) Sổ đầu bài:

STT	Nội dung	Điểm trừ
1	Tiết học đạt 8 điểm	1
2	Tiết học đạt 7 điểm	2
3	Tiết học đạt 6 điểm	3
4	Tiết học đạt 5 điểm	4
5	Tiết học đạt 4 điểm	5

b) Nội quy nề nếp của học sinh trong lớp:

STT	Nội dung	Điểm trừ/HS vi phạm	Ghi chú
1	Lớp có học sinh đi học trễ nhiều lần; học sinh trốn tiết; học sinh nghỉ học không phép	1đ	
2	Học sinh có thái độ vô lễ với thầy cô, người lớn	2đ	
3	Học sinh trong lớp nói tục chửi thề; nhuộm tóc hoặc để tóc dài sai quy định	1đ	
4	Có học sinh trong lớp gây mất đoàn kết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác	2đ	
5	Học sinh trong lớp mang đồ bên ngoài vào mua bán; học sinh tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc lá, thuốc lá điện tử, chất kích thích và các chất gây nghiện.	5đ	
6	Không thực hiện dọn khay ăn sau khi ăn trưa	2đ	

STT	Nội dung	Điểm trừ/HS vi phạm	Ghi chú
7	Học sinh trong lớp không thực hiện đồng phục theo quy định của nhà trường.	1đ	
8	Lớp học bừa bộn, xả rác bừa bãi, bỏ rác không đúng nơi quy định, bàn ghế không ngay ngắn, mất trật tự trong lớp;	2đ	
9	Học sinh nam, nữ trong lớp có những hành động thể hiện tình cảm trên mức cho phép (ôm, hôn, ngồi quá gần ...gây phản cảm) trong lớp, khuôn viên nhà trường	4đ	
10	Học sinh không chấp hành an toàn giao thông (sử dụng xe máy khi chưa đủ điều kiện lái xe, không đội nón bảo hiểm, chở 3...vv)	2đ	
11	Học sinh vi phạm an toàn giao thông bị Công an lập biên bản vi phạm	5đ	
12	Không giữ gìn trật tự, lớp ồn ào, mất trật tự khi giáo viên chưa lên lớp hoặc vắng giáo viên	2đ	
13	Học sinh trong lớp vi phạm nội quy như: đánh nhau, cổ vũ bạo lực, lấy đồ của người khác; quay phim, ghi hình khi không có sự cho phép của giáo viên.	5đ	
14	Trường hợp học sinh khối THCS không đeo khăn quàng đúng quy định.	1đ	
15	Học sinh trong lớp sử dụng thiết bị điện tử không đúng quy định	2đ	
16	Học sinh trong lớp sử dụng hình ảnh logo nhà trường; đăng hình ảnh gây phản cảm trên mạng xã hội	5đ	
17	Học sinh đem thực phẩm vào trường và vào lớp không đúng quy định;	2đ	
18	Lớp tự tổ chức liên hoan tại lớp khi chưa có đồng ý của lãnh đạo	3đ	
19	Học sinh cố tình phá hoại cơ sở vật chất của nhà trường	5đ	Bồi thường
20	Không tắt quạt, đèn, máy lạnh khi ra khỏi lớp khi không có người ở trong lớp	2đ	
21	Tập thể lớp không tham gia các hoạt động phong trào do đoàn thể, nhà trường phát động	5đ	
22	Lớp xả rác sân trường, không dọn ghế vào sau các tiết sinh hoạt tập thể	5đ	

c) Điểm cộng cho tập thể lớp

STT	Nội dung	Điểm cộng
1	Lớp có giải tập thể trong các cuộc thi - hội thi cấp trường	Giải I: = 5 Giải II = 3 Giải III = 2
2	Lớp có cá nhân đạt giải cấp TP	Giải I: = 9đ Giải II = 7đ Giải III = 5đ KK = 3đ: Tham gia = 2đ
3	Lớp có học sinh làm việc tốt được tuyên dương, nhận được của rơi trả lại, làm thiện nguyện....	5đ
4	Lớp có học sinh tham gia các hoạt động, biểu diễn, giao lưu, chuyên đề, Hội thi, cuộc thi đại diện cho nhà trường	5đ /chương trình
5	Lớp đạt 100d/Tháng	Cộng 5 đ GVCN/Tháng

2. Đối với các phòng nội trú: Tổng điểm 100 điểm (tính trừ vào điểm thi đua của GV nội trú).

STT	Nội dung chấm điểm	Điểm trừ	Ghi chú
1	Học sinh không sắp xếp giường, đệm, chăn, màn gọn gàng ngăn nắp	2	
2	Phòng ở mất vệ sinh, bừa bộn; để giày, dép không đúng nơi quy định; vali, để ba lô, túi xách không gọn gàng ngăn nắp	2	
3	Học sinh không sắp xếp quần áo gọn gàng, ngăn nắp	2	
4	Học sinh không tắt điện, quạt khi không có người sử dụng	3đ	
5	Học sinh đem muông, đĩa, tô, khay ăn của nhà ăn về phòng nội trú.	5đ	
6	Học sinh trong phòng không chấp hành thời gian biểu trong ngày (giờ dậy, đi ăn, đi học, giờ ngủ...) đúng quy định	2đ	
7	Phòng nội trú xảy ra tình trạng mất đoàn kết, gây gổ, đánh nhau; uống rượu bia, hút thuốc lá, tàng trữ, sử dụng TLĐT, chấy gây nghiện, chất cấm...	10đ	Xử lý theo nội quy quy định
8	Phòng nội trú có học sinh thực hiện đun nấu trong phòng, cầu mắc điện	10đ	Xử lý theo nội quy quy định
9	Phòng nội trú có học sinh Tàng trữ văn hóa phẩm đồi trụy, dao kéo, vật nhọn	10đ	Xử lý theo nội quy quy định

STT	Nội dung chấm điểm	Điểm trừ	Ghi chú
10	Phòng nội trú có học sinh tham gia cờ bạc, cá độ ... dưới mọi hình thức	10đ	Xử lý theo nội quy quy định
11	Học sinh nội trú trốn học về phòng ở trong giờ học khi không có sự cho phép của giáo viên quản lý	5đ	
12	Học sinh tự ý nhấn chuông PCCC gây mất ANTT	5đ	Bồi thường thiệt hại
13	Học sinh trong phòng phá hoại cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường	5đ	Bồi thường thiệt hại
14	Học sinh tự tổ chức liên hoan khi chưa được sự cho phép của Ban Lãnh đạo	5đ	

Lưu ý:

+ Các trường hợp vi phạm nêu trên ngoài việc bị trừ điểm thi đua của lớp/phòng nội trú thì các trường hợp vi phạm nội quy nhà trường, quy định của pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định và đánh giá vào kết quả rèn luyện của học sinh trong năm học.

+Giáo viên chủ nhiệm và Ban cán sự lớp có trách nhiệm báo cáo sĩ số và số lượng học sinh vắng vào đầu tiết 1 trong ngày (ghi lên góc bản của lớp mình) cho giám thị ghi nhận hàng ngày.

Điều 7. Khen thưởng học sinh đạt giải các kỳ thi chọn học sinh giỏi và các kỳ thi chuyên môn do ngành Giáo dục tổ chức

1. Thưởng học sinh khối 9, 12 đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi:

a. Cấp Thành phố Hồ Chí Minh

- Giải Nhất: 6.000.000đ/giải
- Giải Nhì: 5.000.000đ/giải
- Giải Ba: 4.000.000đ/giải
- Giải Khuyến khích: 3.000.000đ/giải

b. Cấp quốc gia

- Giải Nhất: 50.000.000đ/ giải;
- Giải Nhì: 40.000.000đ/ giải;
- Giải Ba: 30.000.000đ/ giải;
- Giải Khuyến khích: 20.000.000đ/ giải

2. Thưởng học sinh học sinh khối 11 đạt giải kỳ cuộc thi Olympic cấp thành phố và học sinh khối 12 đạt giải cuộc thi máy tính cầm tay cấp thành phố.

- Học sinh đạt giải Nhất: 2.000.000đ/ giải;
- Học sinh đạt giải Nhì: 1.500.000đ/ giải;

- Học sinh đạt giải Ba: 1.000.000đ/ giải

Điều 8. Khen thưởng học sinh đạt giải các hội thi/sân chơi phong trào, thể thao, văn nghệ

1. Học sinh đạt giải các hội thi: Giải thể thao học sinh, Hội thao Giáo dục quốc phòng an ninh

a. Cấp quốc gia

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	2.000.000đ/1 giải	5.000.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	1.500.000đ/1 giải	3.000.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	1.000.000đ/1 giải	2.000.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	800.000đ/1 giải	1.500.000đ/1 giải

b. Cấp thành phố

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	1.000.000đ/1 giải	1.200.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	800.000đ/1 giải	1.000.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	700.000đ/1 giải	900.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	500.000đ/1 giải	700.000đ/1 giải

c. Cấp cụm/phường

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	600.000đ/1 giải	700.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	500.000đ/1 giải	600.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	400.000đ/1 giải	500.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	300.000đ/1 giải	400.000đ/1 giải

2. Học sinh đạt giải các hội thi phong trào, văn nghệ, thể thao khác

a. Cấp quốc gia

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	2.000.000đ/1 giải	5.000.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	1.500.000đ/1 giải	3.000.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	1.000.000đ/1 giải	2.000.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	800.000đ/1 giải	1.500.000đ/1 giải

b. Cấp thành phố

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	800.000đ/1 giải	1.200.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	700.000đ/1 giải	1.000.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	500.000đ/1 giải	700.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	300.000đ/1 giải	500.000đ/1 giải

c. Cấp cụm/phường

	Cá nhân	Tập thể
Giải Nhất/HCV	500.000đ/1 giải	600.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	400.000đ/1 giải	500.000đ/1 giải
Giải Ba/HCD	300.000đ/1 giải	400.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	200.000đ/1 giải	300.000đ/1 giải

3. Đối với một số cuộc thi/hội thi/sân chơi khác, xét số lượng và mức độ khó của giải tham gia, HĐQT linh hoạt phê duyệt mức thưởng

Điều 9. Khen thưởng học sinh đạt giải các hội thi/sân chơi học thuật

1. Học sinh đạt giải tại các hội thi, sân chơi học thuật, Olympic học sinh trong nước và quốc tế như: VioEdu, IOE, Trạng nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn tài, TIMO, SMC, VNMF, HKIMO, BBB, FMO, ASMO, SEAMO và các hội thi, sân chơi học thuật tương đương được khen thưởng theo quy định sau:

1.1 Đối với khối tiểu học:

Giải	Cấp Quốc tế	Cấp Quốc gia	Cấp Thành phố
Giải Nhất/HCV	1.000.000đ/1 giải	800.000đ/1 giải	400.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	800.000đ/1 giải	700.000đ/1 giải	350.000đ/1 giải
Giải Ba/HCĐ	700.000đ/1 giải	600.000đ/1 giải	300.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	600.000đ/1 giải	500.000đ/1 giải	200.000đ/1 giải

1.2. Đối với khối THCS-THPT:

Giải	Cấp Quốc tế	Cấp Quốc gia	Cấp Thành phố
Giải Nhất/HCV	3.000.000đ/1 giải	2.000.000đ/1 giải	800.000đ/1 giải
Giải Nhì/HCB	2.500.000đ/1 giải	1.500.000đ/1 giải	700.000đ/1 giải
Giải Ba/HCĐ	2.000.000đ/1 giải	1.000.000đ/1 giải	500.000đ/1 giải
Giải Khuyến khích	1.500.000đ/1 giải	800.000đ/1 giải	300.000đ/1 giải

Điều 10. Thưởng học sinh 3 tốt

- Cấp Trung ương : 500.000đ
- Cấp Thành phố : 300.000đ
- Cấp phường: 100.000đ

Điều 11. Thưởng giáo viên/nhóm giáo viên hướng dẫn và học sinh tham gia hội thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật (cấp trường, cấp thành phố, cấp quốc gia)

1. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường

Tuỳ tình hình chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, nhà trường sẽ có mức khen thưởng phù hợp cho từng giải.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố

- + Đạt giải Nhất: 10.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Nhì: 7.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Ba: 5.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Khuyến khích: 3.000.000đ/giải;

3. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia

- + Đạt giải Nhất: 50.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Nhì: 40.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Ba: 30.000.000đ/ giải;
- + Đạt giải Khuyến khích: 20.000.000đ/ giải

Điều 12. Phân công trách nhiệm công tác khen thưởng

1. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và xét duyệt kết quả khen thưởng hằng tháng, học kỳ và cuối năm; bảo đảm công tác khen thưởng được thực hiện đúng quy định, khách quan, công bằng và kịp thời.

2. Tổ bộ môn/tổ Giám thị phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện, phong trào thi đua của học sinh; lập danh sách đề nghị khen thưởng, trình Ban Lãnh đạo xem xét, quyết định.

3. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên nội trú có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, đề xuất khen thưởng học sinh có thành tích nổi bật trong học tập, rèn luyện, gương người tốt – việc tốt, hành động đẹp, gương sáng tiêu biểu.

4. Các tổ chuyên môn và đoàn thể căn cứ hoạt động phong trào, hội thi, sân chơi do đơn vị tổ chức đề xuất tập thể, cá nhân học sinh đạt thành tích, báo cáo Ban Lãnh đạo xem xét khen thưởng.

5. Việc khen thưởng được công khai, minh bạch; danh sách học sinh được tuyên dương trong giờ sinh hoạt tập thể, trên bảng tin hoặc các kênh thông tin của nhà trường nhằm động viên, khích lệ phong trào thi đua học tập và rèn luyện.

Chương III

KỶ LUẬT

Điều 13. Nguyên tắc và mục đích

1. **Mục đích:** Kỷ luật nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm của học sinh. Kỷ luật nhằm giáo dục, giúp đỡ học sinh tự nhận thức được hành vi vi phạm; tự giác điều chỉnh hành vi, khắc phục hậu quả, tự giác tu dưỡng, rèn luyện để tiến bộ và hình thành thói quen, lối sống kỷ luật.

2. Nguyên tắc:

a) Bảo đảm tính chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ và quyền của học sinh; giữ vững kỷ cương, nền nếp trong nhà trường.

b) Tôn trọng, bao dung, khách quan, không định kiến, bảo đảm quyền được tham gia và lợi ích của học sinh đối với các vấn đề liên quan.

c) Bảo đảm phù hợp đặc điểm tâm sinh lý, giới tính, thể chất, hoàn cảnh gia đình, đặc điểm văn hóa vùng miền của từng học sinh.

d) Không sử dụng biện pháp kỷ luật mang tính bạo lực, xúc phạm nhân phẩm, danh dự ảnh hưởng đến tinh thần và thể chất của học sinh.

3. Hành vi và mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật

3.1. Hành vi vi phạm

a) Hành vi bị nghiêm cấm đối với học sinh trong nhà trường được quy định tại Luật Giáo dục.

b) Hành vi vi phạm nội quy, quy định của nhà trường; vi phạm quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3.2. Mức độ vi phạm

Ban lãnh đạo nhà trường, giáo viên, nhân viên căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm của học sinh để xác định mức độ vi phạm như sau:

- a) Mức độ 1 là vi phạm có tác hại đến bản thân học sinh;
- b) Mức độ 2 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhóm, lớp;
- c) Mức độ 3 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhà trường.

4. Biện pháp kỷ luật

4.1. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh khối tiểu học

- a) Nhắc nhở;
- b) Yêu cầu xin lỗi.

- Biện pháp kỷ luật nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định nêu trên.

- Biện pháp kỷ luật yêu cầu xin lỗi áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 trở lên.

4.2. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh khối THCS và THPT

- a) Nhắc nhở;
- b) Phê bình;
- c) Yêu cầu viết bản tự kiểm điểm.

- Biện pháp kỷ luật nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định nêu trên.

- Biện pháp kỷ luật phê bình áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 được quy định nêu trên.

- Biện pháp kỷ luật yêu cầu viết bản tự kiểm điểm áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật phê bình mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 2; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 3 được quy định nêu trên. Bản tự kiểm điểm của học sinh có xác nhận và cam kết của gia đình với nhà trường trong việc phối hợp quản lý, giáo dục, hỗ trợ học sinh nhận thức, rút kinh nghiệm, khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi. Bản tự kiểm điểm của học sinh được lưu trong hồ sơ của nhà trường.

Điều 14. Phân công trách nhiệm xử lý kỷ luật

Giáo dục học sinh vi phạm nội quy là trách nhiệm chung của tập thể hội đồng sư phạm nhà trường. Các thầy cô phải có trách nhiệm phối hợp giải quyết

nhằm giúp học sinh tiến bộ. Để công tác phối hợp được chặt chẽ, Ban lãnh đạo nhà trường phân công trách nhiệm giải quyết các vi phạm của học sinh như sau:

1. Giáo viên chủ nhiệm (GVCN), giáo viên quản lý học sinh nội trú (GVNT):

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên nội trú có trách nhiệm nhắc nhở, giáo dục học sinh thực hiện nội quy nề nếp của nhà trường theo phân công trách nhiệm công việc.

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên nội trú giải quyết các trường hợp vi phạm không nghiêm trọng, phạm vi ở trong lớp, trong phòng nội trú phụ trách. Các trường hợp vi phạm nghiêm trọng như: Đánh nhau; sử dụng chất kích thích, hút thuốc lá nhiều lần; mâu thuẫn với lớp/phòng khác; hỗn láo, vô lễ; đe dọa người khác; trộm cắp; phá hoại tài sản ...vv, và các trường hợp học sinh thường xuyên phạm lỗi nhẹ đã được giáo dục nhưng không chuyển biến thì GVCN, GVNT có trách nhiệm báo cáo cho Tổng giám thị để giải quyết.

2. Bộ phận Giám thị.

- Giám thị thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổng giám thị; khi phát hiện các hành vi vi phạm của học sinh, căn cứ trách nhiệm quyền hạn của mình để nhắc nhở, giáo dục và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để giải quyết. Khi giải quyết xong vụ việc thì báo cáo Tổng Giám thị và ghi sổ nề nếp theo dõi.

- Trường hợp phát hiện các học sinh thường xuyên vi phạm hoặc các vi phạm nghiêm trọng thì báo cáo và chuyển học sinh vi phạm cho Tổng giám thị để xử lý theo quy định. Trường hợp Tổng Giám thị không xử lý thì báo cáo Phó Hiệu trưởng, Hiệu Trưởng.

3. Bộ phận An ninh trật tự.

- Bộ phận an ninh trật tự khi phát hiện học sinh vi phạm nội quy, nề nếp, sai phạm ... thì phối hợp với giám thị lập biên bản, thông tin đến GVCN và chuyển cho Tổng giám thị giải quyết. Trường hợp nghiêm trọng thì chuyển cho Tổng giám thị giải quyết đồng thời báo cáo ngay cho Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách kỷ luật để chỉ đạo giải quyết.

4. Tổng giám thị:

- Tổng giám thị có trách nhiệm quản lý, giám sát học sinh thực hiện đúng nội quy, nề nếp trong trường. Phân công giám thị thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra nắm tình hình nề nếp học sinh. Lập sổ quản lý học sinh vi phạm nội quy trong toàn trường để theo dõi và giáo dục học sinh.

- Tổng giám thị có trách nhiệm tiếp nhận tất cả các trường hợp học sinh vi phạm do nhân viên an ninh trật tự, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên nội trú chuyển đến và xử lý kỷ luật trong phạm vi phụ trách. Các trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải báo cáo hiệu trưởng để xin ý kiến chỉ đạo. Sau khi xử lý xong, Tổng Giám thị có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý cho GVCN, GVNT biết để theo dõi và tiếp tục giáo dục học sinh.

- Trường hợp học sinh vi phạm đã được Tổng giám thị xử lý, giải quyết nhưng học sinh tiếp tục vi phạm thì báo cáo Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách kỷ luật và đề xuất biện pháp xử lý. Trường hợp vi phạm đặc biệt nghiêm trọng thì Tổng Giám thị phải báo cáo ngay cho Hiệu trưởng để chỉ đạo giải quyết.

- Hàng tuần, Tổng giám thị có trách nhiệm tổng hợp tất cả các trường hợp học sinh vi phạm, biện pháp xử lý và thông báo công khai cho GVCN, GVNT biết để phối hợp giáo dục học sinh. Thông báo công khai các trường hợp kỷ luật và khen thưởng học sinh trong giờ sinh hoạt tập thể.

- Từng tháng, học kỳ; Tổng giám thị tổng hợp các trường hợp học sinh vi phạm trong toàn trường báo cáo cho Hiệu trưởng để làm cơ sở xét thi đua khen thưởng hoặc đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Phó Hiệu trưởng phụ trách nề nếp:

- Thành viên Ban lãnh đạo phụ trách nề nếp, kỷ luật theo phân công của hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện giải quyết tất cả các trường hợp học sinh vi phạm nội quy do Tổng Giám thị chuyển lên. Các trường hợp đặt biệt nghiêm trọng, phức tạp phải báo cáo hiệu trưởng để có ý kiến chỉ đạo.

Điều 15. Lưu hồ sơ, tổng hợp vi phạm

- Các trường hợp vi phạm bị lập biên bản thì bộ phận lập biên bản lưu giữ 1 bản, bộ phận giải quyết lưu giữ 1 bản. Các biên bản vi phạm được lưu giữ trong suốt quá trình học tập của học sinh tại trường.

- Hồ sơ giải quyết vi phạm của học sinh thuộc bộ phận nào giải quyết thì bộ phận đó có trách nhiệm lưu giữ và phân loại theo từng năm học.

- Các trường hợp học sinh vi phạm nội quy thi, vi phạm luật giao thông, biên bản và các quyết định, cam kết của phụ huynh và học sinh được lưu trong hồ sơ của học sinh tại phòng giáo vụ để quản lý.

- Sổ theo dõi nề nếp, kỷ luật của học sinh được Tổng Giám thị lập theo từng năm học, cuối năm học sau khi tổng kết, Tổng Giám thị chuyển sang bộ phận giáo vụ để lưu trữ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường để nghiêm túc thực hiện. Tùy theo tình hình thực tế trong năm có thể điều chỉnh bổ sung, hết hiệu lực khi có Quy chế mới thay thế

2. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ./.